

Số: 26 /2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” của Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Công văn số 1325/TTg-KGVX ngày 04 tháng 8 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “chuỗi thực phẩm an toàn” tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn” (Chi Cục An toàn thực phẩm - Sở Y tế) tại Tờ trình số 46/TTr-BQLĐA ngày 21 tháng 6 năm 2016; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6121/STP-VB ngày 12 tháng 11 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở - ngành liên quan, các thành viên Ban Quản lý và Tổ công tác thực hiện Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “chuỗi thực phẩm an toàn” tại Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế; Bộ Công Thương;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- VPUB: Các PVP; Phòng VX, CNN, THKH;
- Lưu: VT, (VX.P). 75.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu

Faint header text at the top of the page, possibly including a date or reference number.

Main body of faint, illegible text, likely the primary content of the document.

A horizontal line of faint text, possibly a separator or a specific section header.

Text block below the horizontal line, containing faint, illegible characters.

Text block below the previous one, also containing faint, illegible characters.



QUY CHẾ

Cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” của Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2016/QĐ-UBND

ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) đối với các cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất, kinh doanh nông sản (hay nông lâm thủy sản), thực phẩm; cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp (sau đây gọi tắt là cơ sở).

Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “chuỗi thực phẩm an toàn” (sau đây gọi tắt là chuỗi) được triển khai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành có nguồn nông sản, thực phẩm cung ứng cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt, giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm đặc biệt các loại nông sản thực phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II ĐIỀU KIỆN THAM GIA “CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN”

Điều 3. Điều kiện đối với cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng

1. Điều kiện đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm

a) Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là ATTP) theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Bộ NN&PTNT) hoặc cơ sở phải xếp loại A theo các văn bản sau; Nếu loại B phải có hướng khắc phục để đạt loại A trong vòng 06 tháng (theo biên bản kiểm tra):

- Đối với cơ sở chăn nuôi gia súc: Theo Quyết định số 1506/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ NN&PTNT ban hành quy trình chăn nuôi tốt

cho chăn nuôi lợn an toàn; Quyết định số 1947/QĐ-BNN-KHCN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ NN&PTNT về Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn trong nông hộ.

- Đối với cơ sở chăn nuôi gia cầm: Theo Quyết định số 1504/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ NN&PTNT ban hành quy trình chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gia cầm an toàn; Quyết định số 1948/QĐ-BNN-KHCN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ NN&PTNT về Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ.

- Ngoài ra, cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm phải áp dụng Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Quy mô

- Đối với cơ sở chăn nuôi gia súc: Quy mô trại từ 500 con trở lên.
- Đối với cơ sở chăn nuôi gia cầm: Quy mô trại từ 20.000 con trở lên.

2. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất rau, quả

a) Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-132:2013/BNNPTNT đối với rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế.

b) Quy mô: Cơ sở có sản lượng cung cấp rau, quả từ 10 tấn/tháng trở lên.

3. Điều kiện đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản

a) Cơ sở nuôi trồng thủy sản được kiểm tra, đánh giá, phân loại đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ hoặc được cấp chứng nhận/chứng chỉ VietGAP, GlobalGAP.

b) Quy mô: Có sản lượng 30 tấn/năm trở lên.

Điều 4. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến

1. Điều kiện đối với cơ sở sơ chế, chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm; sơ chế trứng gia cầm

a) Cơ sở phải xếp loại A theo các văn bản sau; Nếu loại B phải có hướng khắc phục để đạt loại A trong vòng 06 tháng (theo biên bản kiểm tra).

- Đối với cơ sở sơ chế, chế biến: Theo Thông tư số 66/2009/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 10 năm 2009 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y; Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế về việc quy định điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc: Theo Thông tư số 60/2010/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Bộ NN&PTNT về quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ lợn; Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Đối với cơ sở giết mổ gia cầm: Theo Thông tư số 61/2010/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2010 của Bộ NN&PTNT về quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ gia cầm; Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Ngoài ra, cơ sở sơ chế, chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm phải áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-100:2012/BNNPTNT yêu cầu chung về vệ sinh thú y trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tươi sống và sơ chế.

b) Quy mô

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc: Dây chuyền giết mổ công nghiệp hoặc bán công nghiệp, quy mô giết mổ từ 100 con/ngày trở lên.

- Đối với cơ sở giết mổ gia cầm: Dây chuyền giết mổ công nghiệp hoặc bán công nghiệp, quy mô giết mổ từ 1.000 con/ngày trở lên.

- Đối với cơ sở sơ chế trứng gia cầm: Dây chuyền sơ chế công nghiệp hoặc bán công nghiệp, quy mô sơ chế từ 10.000 trứng/ngày trở lên.

c) Nguồn nguyên liệu đầu vào phải là sản phẩm thuộc chuỗi.

2. Điều kiện đối với cơ sở sơ chế, chế biến rau, quả

a) Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định tùy loại hình

- Đối với cơ sở sơ chế rau, quả: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-132:2013/BNNPTNT đối với rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, sơ chế.

- Đối với cơ sở chế biến rau, quả: theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01-09:2009/BNNPTNT về cơ sở chế biến rau, quả - điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

b) Quy mô: Cơ sở sơ chế, chế biến từ 01 tấn rau, quả/ngày trở lên.

c) Nguồn nguyên liệu đầu vào phải là sản phẩm thuộc chuỗi.

3. Điều kiện đối với tàu cá, cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy hải sản

a) Cơ sở được kiểm tra đánh giá, phân loại cấp giấy “Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm” theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Năng suất: 30 tấn/năm trở lên.

c) Nguồn nguyên liệu đầu vào phải là sản phẩm thuộc chuỗi.

4. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (Thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương)

Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành của Bộ Công Thương và đáp ứng điều kiện theo các văn bản sau:

a) Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 do Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

b) Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

c) Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế về việc quy định điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

d) Thông tư số 54/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sữa chế biến.

đ) Thông tư số 59/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.

Điều 5. Điều kiện đối với cơ sở kinh doanh sản phẩm thuộc chuỗi

1. Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp.

Cơ sở phải xếp loại A theo các văn bản sau; Nếu loại B phải có hướng khắc phục để đạt loại A trong vòng 06 tháng (theo biên bản kiểm tra):

a) Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 do Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

b) Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế về việc Quy định điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

c) Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ NN&PTNT về việc quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

d) Riêng đối với cơ sở kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, trứng gà: Áp dụng thêm Thông tư số 66/2009/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 10 năm 2009 của Bộ NN&PTNT về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y.

2. Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công thương: cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành của Bộ Công Thương và đáp ứng điều kiện theo các văn bản sau:

a) Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 do Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT và Bộ Công Thương ban hành hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

b) Quyết định số 6409/QĐ-BCT ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc ban hành danh mục tài liệu, bộ câu hỏi kiểm tra kèm theo đáp án trả lời và chỉ định cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

c) Thông tư số 15/2012/TT-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế về việc quy định điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

d) Thông tư số 54/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sữa chế biến.

đ) Thông tư số 59/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dầu thực vật.

3. Nguồn nguyên liệu đầu vào phải là sản phẩm thuộc chuỗi.

Chương III
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN CẤP, CẤP ĐỔI,
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA
“CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN”

Điều 6. Hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”

1. Hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với gia súc, gia cầm và trứng gia cầm

a) Đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm

- Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 1.1 - ĐKTY).

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) hoặc các giấy chứng nhận khác tương đương.

- Sơ đồ mặt bằng cơ sở (từ lúc nhập gia súc, gia cầm vào trại đến khi xuất bán) (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Bản mô tả quy trình chăn nuôi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

b) Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật; cơ sở sơ chế trứng gia cầm

- Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 1.2 - ĐKTY hoặc theo Phụ lục I - Mẫu 1.3 - ĐKTY).

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

- Sơ đồ mặt bằng cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Bản mô tả quy trình giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm động vật, sơ chế trứng gia cầm (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

- Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

2. Hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với rau, quả

a) Đối với cơ sở sản xuất rau, quả

- Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 2.1 - ĐKBVTV).

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận VietGAP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Bản đồ giải thửa và phân lô khu vực sản xuất (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Bản thuyết minh về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở (theo Phụ lục I - Mẫu 2.3 - TMBVTV).

- Danh sách thành viên hợp tác xã: Họ tên, địa chỉ, địa điểm sản xuất, diện tích sản xuất, năng suất cung cấp, mã số (nếu có).

- Biên bản kiểm tra, đánh giá định kỳ của Tổ chức chứng nhận VietGAP hoặc của các cơ quan chức năng theo quy định của Bộ NN&PTNT (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Quy trình sản xuất rau, quả đã chứng nhận VietGAP (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

b) Đối với cơ sở sơ chế, chế biến rau, quả

- Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 2.2 - ĐKBVTV).

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở (theo Phụ lục I - Mẫu 2.3 - TMBVTV).

- Chứng chỉ tập huấn về an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp (Bản sao có xác nhận của cơ sở)

- Giấy chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp do cơ sở y tế cấp quận/huyện trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở)

- Giấy chứng nhận GMP, HACCP hoặc tương đương (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

- Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

3. Hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với thủy sản

a) Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản

- Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 3.1 - ĐKTS).

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

- Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở nuôi trồng thủy sản do cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoặc giấy chứng nhận/chứng chỉ VietGAP hoặc tương đương (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Hợp đồng nguyên tắc mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản giữa các đối tác tham gia "chuỗi thực phẩm an toàn" (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

b) Đối với tàu cá, cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến thủy hải sản

- Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 3.1 - ĐKTS).

- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng nhận hay chứng chỉ đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

- Hợp đồng nguyên tắc mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản giữa các đối tác tham gia "chuỗi thực phẩm an toàn" (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

- Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

4. Hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (Thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương)

a) Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục 1 - Mẫu 4.1 - ĐKCT).

b) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

d) Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

đ) Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (còn thời hạn) trong sản xuất của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

e) Giấy chứng nhận sức khỏe (còn thời hạn) của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp do cơ sở y tế cấp quận - huyện trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

g) Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất thực phẩm (theo Phụ lục I - Mẫu 4.2 - TMCT).

h) Sơ đồ mặt bằng cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

i) Bản mô tả quy trình sản xuất (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

k) Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (nếu có) (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

5. Hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với cơ sở kinh doanh

a) Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 5.1 - ĐKKD).

b) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

d) Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (còn thời hạn) trong sản xuất của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe (còn thời hạn) của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp do cơ sở y tế cấp quận - huyện trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

e) Bản vẽ chứng minh có khu vực, bảo quản, kinh doanh riêng cho sản phẩm chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

g) Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (nếu có) (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

h) Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

i) Đối với cơ sở kinh doanh rau, quả thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp cần bổ sung thêm “Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở” (theo Phụ lục I - Mẫu 2.3 - TMBVTV).

k) Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương cần bổ sung thêm “Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ kinh doanh thực phẩm” (theo Phụ lục I - Mẫu 5.2 - TMCT).

Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận lần đầu

1. Cơ sở đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này đến cơ quan thường trực

của Ban Quản lý Đề án theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này. Hồ sơ có thể được nộp theo một trong các hình thức sau: trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện. Đối với các trường hợp hồ sơ gửi theo đường bưu điện: nộp bản sao có chứng thực.

2. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”, cơ quan tiếp nhận chuyển hồ sơ đến Đoàn thẩm định để kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Đoàn thẩm định do Trưởng ban Ban Quản lý Đề án ra quyết định thành lập với các thành viên được cử từ các cơ quan: cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan thường trực của Ban Quản lý Đề án và các cơ quan phối hợp. Thành viên của cơ quan quản lý chuyên ngành làm Trưởng đoàn. Trong trường hợp cơ sở đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” thuộc địa bàn ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn thẩm định còn có thành viên của cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ, Đoàn thẩm định thẩm xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở. Nếu hồ sơ hợp lệ, Đoàn thẩm định thông báo cho cơ sở thời gian kiểm tra thực tế cơ sở. Nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc cần bổ sung, Đoàn thẩm định thông báo bằng văn bản cho cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung mà cơ sở không có phản hồi, Đoàn thẩm định đề nghị Ban Quản lý Đề án kết thúc hồ sơ.

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm xét hồ sơ hợp lệ, Đoàn thẩm định sẽ tiến hành kiểm tra thực tế điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” tại cơ sở. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở và tùy theo loại hình, lĩnh vực ghi nhận vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Quy chế này. Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào biên bản. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày làm việc. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở nộp báo cáo kết quả khắc phục để đề nghị Đoàn thẩm định kiểm tra thực tế lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc tính từ khi Đoàn thẩm định nhận được báo cáo khắc phục của cơ sở.

5. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày xác định kết quả thẩm định, Đoàn thẩm định chuyển hồ sơ đến cơ quan thường trực của Ban Quản lý Đề án đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đối với trường hợp “Đạt” hoặc đề nghị kết thúc hồ sơ trong trường hợp “Không đạt”.

6. Trong thời gian 09 (chín) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ “Đạt” từ Đoàn thẩm định, Ban Quản lý Đề án cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở theo mẫu quy định trong Phụ lục IV của Quy chế này. Đối với hồ sơ “Không đạt” thì tiến hành kết thúc hồ sơ.

Tổng thời gian thực hiện thủ tục không bao gồm thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ của cơ sở là 50 (năm mươi) ngày làm việc.

Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận

1. Cấp đổi Giấy chứng nhận

a) Yêu cầu, điều kiện khi đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận

- Khi cơ sở thay đổi tên của cơ sở hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí, quy mô và toàn bộ quy trình chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt, giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm thì cơ sở phải thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận chỉ được đổi khi còn hiệu lực.

b) Hồ sơ đề nghị cấp đổi (01 bộ) gồm

- Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 6).

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đã cấp.

- Tài liệu hợp lệ thể hiện sự thay đổi tại điểm a, khoản 1 của điều này (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c) Trong thời gian 09 (chín) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận cho cơ sở. Thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận khi cấp đổi trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở nêu rõ lý do.

d) Trưởng ban Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn” có thẩm quyền cấp đổi Giấy chứng nhận.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận

a) Yêu cầu, điều kiện khi đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận

- Khi Giấy chứng nhận của cơ sở bị rách, hư hỏng hoặc mất, thất lạc thì cơ sở thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận.

- Giấy chứng nhận chỉ được cấp lại khi còn hiệu lực.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại (01 bộ) gồm

- Đơn đề nghị đổi/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (theo Phụ lục I - Mẫu 6).

c) Trong thời gian 09 (chín) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho cơ sở. Thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận khi cấp lại trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở nêu rõ lý do.

d) Trưởng ban Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn” có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận.

Điều 9. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

Trưởng ban Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn” có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với các cơ sở đạt yêu cầu và sử dụng con dấu của Sở Y tế.

Điều 10. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm kể từ ngày ký ban hành.

2. Trước 06 (sáu) tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn, cơ sở phải nộp hồ sơ đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuộc chuỗi. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Quy chế này.

Chương IV

KIỂM TRA VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA “CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN”

Điều 11. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Cơ quan kiểm tra, giám sát: cơ quan quản lý chuỗi, các đoàn kiểm tra chuyên ngành ở các tỉnh và các Bộ quản lý chuyên ngành liên quan.

2. Hình thức kiểm tra: Kiểm tra theo quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Ban Quản lý Đề án, định kỳ không quá 02 (hai) lần/năm hoặc đột xuất khi xảy ra vi phạm về an toàn thực phẩm, sự cố an toàn thực phẩm liên quan.

Điều 12. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau

a) Vi phạm quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và các quy định của chuỗi khi Ban Quản lý Đề án đề nghị khắc phục mà không khắc phục trong thời gian quy định.

b) Sử dụng nhãn hiệu chuỗi cho những sản phẩm không thuộc chuỗi.

c) Cơ sở không tiếp tục tham gia chuỗi.

d) Khi có kiến nghị hợp lý của các cơ quan quản lý liên quan.

2. Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận Trưởng ban Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn” có quyền thu hồi Giấy chứng nhận.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN QUẢN LÝ ĐỀ ÁN VÀ CƠ SỞ THAM GIA “CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN”

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Quản lý Đề án

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với các cơ sở đăng ký tham gia chuỗi và đáp ứng đúng quy định của Quy chế này.

2. Hướng dẫn cơ sở về chuyên môn, kỹ thuật và hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để cơ sở tham gia chuỗi.

3. Giới thiệu các cơ sở tham gia chuỗi trên các phương tiện thông tin truyền thông.

4. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để sản phẩm thuộc chuỗi vào các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

5. Hướng dẫn cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” thực hiện các quy định về việc sử dụng nhãn hiệu.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận khi cơ sở vi phạm các quy định về chuỗi.

7. Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận.

8. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra khi có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và các quy định về điều kiện tham gia chuỗi.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở tham gia chuỗi

1. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” quy định tại Quy chế này.

2. Cung cấp thông tin và đảm bảo tính xác thực của hồ sơ, số liệu có liên quan đến việc thẩm định cấp Giấy chứng nhận và kiểm tra định kỳ, đột xuất của cơ quan quản lý chuỗi.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý trong công tác kiểm tra.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định của chuỗi, duy trì các điều kiện trong chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng, đánh bắt, giết mổ, sơ chế, chế biến, sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm.

5. Định kỳ 06 tháng/lần cơ sở tham gia chuỗi có báo cáo, cung cấp các kết quả kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành liên quan cho cơ quan quản lý chuỗi.

6. Có chế độ tự kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm và đảm bảo khắc phục đúng tiến độ các tồn tại mà Đoàn kiểm tra khuyến cáo nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm tham gia chuỗi.

7. Chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý chuỗi đối với chất lượng sản phẩm của cơ sở mình.

8. Được phép dùng danh nghĩa, nhãn hiệu chuỗi trong việc quảng bá các sản phẩm thuộc chuỗi.

9. Được quyền từ chối không tham gia chuỗi nếu thấy không phù hợp.

10. Không được phép tiếp tục sử dụng nhãn hiệu chuỗi để quảng bá sản phẩm khi bị thu hồi Giấy chứng nhận.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Ủy ban nhân dân thành phố giao Ban Quản lý Đề án tổ chức thực hiện, đơn đốc triển khai thực hiện Quy chế này; giao Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm là cơ quan thường trực của Ban Quản lý Đề án, có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, trả hồ sơ đề nghị tham gia chuỗi, hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận, hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận và Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”.

Điều 16. Các đơn vị liên quan, các thành viên Ban Quản lý Đề án và Tổ Công tác “chuỗi thực phẩm an toàn” chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 17. Trưởng đoàn thẩm định có trách nhiệm đề xuất cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”. Cơ quan chuyên ngành đề xuất việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” trong trường hợp các cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận vi phạm quy chế này.

Điều 18. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Ban Quản lý Đề án trao đổi thống nhất với các Sở - ngành có liên quan tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

Điều 19. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2016/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên biểu mẫu	Số hiệu	Loại biểu mẫu	
			BB	HD
1	2	3	4	5
I. Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” - Chuỗi thịt gia súc, gia cầm và trứng gia cầm				
1	Giấy đăng ký tham gia chuỗi trứng gia cầm, thịt gia súc, gia cầm (Đối với cơ sở chăn nuôi)	Mẫu 1.1 - ĐKTY		x
2	Giấy đăng ký tham gia chuỗi thịt gia súc, gia cầm (Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm)	Mẫu 1.2 - ĐKTY		x
3	Giấy đăng ký tham gia chuỗi trứng gia cầm, thịt gia súc, thịt gia cầm (đối với cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật; cơ sở sơ chế trứng gia cầm)	Mẫu 1.3 - ĐKTY		x
II. Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” - Chuỗi rau, quả				
1	Giấy đăng ký tham gia chuỗi rau, quả (Đối với cơ sở sản xuất)	Mẫu 2.1 - ĐKBVTV		x
2	Giấy đăng ký tham gia chuỗi rau, quả (Đối với cơ sở sơ chế, chế biến)	Mẫu 2.2 - ĐKBVTV		x
3	Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở	Mẫu 2.3 - TMBVTV		x
III. Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” - Chuỗi Thủy sản				
	Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” - Thủy sản	Mẫu 3.1 - ĐKTS		x
IV. Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” - Chuỗi sản xuất thực phẩm (thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương)				
1	Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc Công thương)	Mẫu 4.1 - ĐKCT		x

2	Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất thực phẩm.	Mẫu 4.2 - TMCT		x
V. Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” - Kinh doanh				
1	Giấy đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (Đối với cơ sở kinh doanh)	Mẫu 5.1 - ĐKKD		x
2	Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ kinh doanh thực phẩm.	Mẫu 5.2- TMCT		x
VI. Đơn đề nghị đổi/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”				
	Đơn đề nghị cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”	Mẫu 6		x

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI TRỨNG GIA CẦM,
THỊT GIA SÚC, GIA CẦM
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ CHĂN NUÔI)**

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Fax:.....

Đại diện cơ sở:..... Chức vụ

Sản phẩm đăng ký tham gia chuỗi

Địa điểm:

Quy mô:

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia chuỗi trứng gia cầm, thịt gia súc, gia cầm và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Đảm bảo thực hành đúng và đầy đủ các điều kiện vệ sinh, an toàn trong chăn nuôi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. Không lấy trứng gà, gia súc, gia cầm của cơ sở khác vào kinh doanh.
3. Chỉ nhập gia súc, gia cầm để chăn nuôi từ các cơ sở chăn nuôi đạt an toàn dịch bệnh hoặc cơ sở đã được công nhận tham gia chuỗi.
4. Thực hiện ghi chép nhật ký chăn nuôi theo quy định của chuỗi.
5. Chịu sự giám sát thường xuyên của Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan quản lý chuỗi.
6. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho cơ quan quản lý chuỗi.
7. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước, Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn” về gia súc, gia cầm của cơ sở. Nếu vi phạm các quy định của chuỗi sẽ bị đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
2. Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) hoặc các giấy chứng nhận khác tương đương.
3. Sơ đồ mặt bằng cơ sở (từ lúc nhập gia súc, gia cầm vào trại đến khi xuất bán) (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
4. Bản mô tả quy trình chăn nuôi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
5. Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI THỊT GIA SÚC, GIA CẦM
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẦM)

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Fax:.....

Đại diện cơ sở:..... Chức vụ

Sản phẩm đăng ký tham gia chuỗi

Địa điểm:

.....

Quy mô:

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia chuỗi thịt gia súc, gia cầm và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Chỉ nhập gia súc, gia cầm từ cơ sở chăn nuôi thuộc chuỗi.
2. Đảm bảo thực hành đúng và đầy đủ các quy định về vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm.
3. Thực hiện ghi chép đầy đủ nhật ký sản xuất của cơ sở theo quy định của chuỗi.
4. Chịu sự giám sát thường xuyên của Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan quản lý chuỗi.
5. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho cơ quan quản lý chuỗi.
6. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và Ban Quản lý Đề án về sản phẩm của cơ sở. Nếu vi phạm các quy định của chuỗi sẽ bị đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
3. Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).
4. Sơ đồ mặt bằng cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
5. Bản mô tả quy trình giết mổ gia súc, gia cầm (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
6. Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).
7. Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI TRÚNG GIA CÀM,
THỊT GIA SÚC, THỊT GIA CÀM
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT;
CƠ SỞ SƠ CHẾ TRÚNG GIA CÀM)

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Fax:.....

Đại diện cơ sở:..... Chức vụ

Sản phẩm đăng ký tham gia chuỗi

Địa điểm:

Quy mô:

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia chuỗi thịt gia súc, gia cầm, trứng gia cầm và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Chỉ nhập gia súc, gia cầm; sản phẩm gia súc, gia cầm từ những cơ sở được chứng nhận chuỗi.
2. Thực hiện đúng quy trình về sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc từ gia súc, gia cầm; xử lý trứng gia cầm.
3. Có hồ sơ, sổ sách quản lý. Thực hiện ghi chép về quản lý chất lượng sản phẩm để dễ dàng truy xuất nguồn gốc.
4. Chịu sự giám sát thường xuyên của Ban Quản lý Đề án. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan quản lý chuỗi.
5. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho cơ quan quản lý chuỗi.
6. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và Ban Quản lý Đề án về sản phẩm gia súc, gia cầm. Nếu vi phạm các quy định của chuỗi sẽ bị đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
3. Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).
4. Sơ đồ mặt bằng cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
5. Bản mô tả quy trình sơ chế, chế biến sản phẩm động vật, sơ chế trứng gia cầm (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
6. Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).
7. Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

....., ngày tháng năm

.....
CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI RAU, QUẢ
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT)

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:
Địa chỉ:
Số điện thoại: Fax: Email:
Đại diện cơ sở: Chức vụ:
Giấy phép kinh doanh số Ngày cấp: Đơn vị cấp:
Địa điểm:

Sản phẩm đăng ký tham gia chuỗi
Diện tích sản xuất:..... m² hoặcha. Sản lượng dự kiến:..... tấn/tháng.

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Đảm bảo thực hiện đúng các quy định theo Giấy chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.
2. Không sử dụng các hóa chất cấm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong sản xuất.
3. Có đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý trong sản xuất, lưu thông.
4. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ của cơ quan quản lý chuỗi.
5. Thực hiện báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho cơ quan quản lý chuỗi.
6. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý chuỗi về sản phẩm của cơ sở. Không đưa các sản phẩm ngoài phạm vi chứng nhận vào lưu thông chung với sản phẩm của chuỗi. Nếu vi phạm các cam kết trên sẽ bị đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Hồ sơ gửi kèm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
2. Giấy chứng nhận VietGAP hoặc Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
3. Bản đồ giải thửa và phân lô khu vực sản xuất (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
4. Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở (theo Phụ lục I - Mẫu 2.3 - TMBVTV).
5. Danh sách thành viên hợp tác xã: họ tên, địa chỉ, địa điểm sản xuất, diện tích sản xuất, năng suất cung cấp, mã số (nếu có).
6. Biên bản kiểm tra, đánh giá định kỳ của Tổ chức chứng nhận VietGAP hoặc của các cơ quan chức năng theo quy định của Bộ NN&PTNT (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
7. Quy trình sản xuất rau, quả đã chứng nhận VietGAP (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(ký tên & đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI RAU, QUẢ
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN)

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Fax:.....

Đại diện cơ sở:..... Chức vụ

Giấy phép kinh doanh số.....Ngày cấp:.....Đơn vị cấp:.....

Loại hình:

Sơ chế

Chế biến

Sản phẩm đăng ký tham gia chuỗi

Sản lượng:..... /ngày

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Chỉ nhập sản phẩm từ các cơ sở sản xuất đã được chứng nhận tham gia chuỗi.
2. Không sử dụng các hóa chất cấm theo quy định pháp luật.
3. Có hồ sơ, sổ sách quản lý trong sơ chế và lưu thông.
4. Có Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn).
5. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ của cơ quan quản lý chuỗi.
6. Báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho cơ quan quản lý chuỗi.
7. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý chuỗi về sản phẩm của cơ sở. Nếu vi phạm các cam kết trên sẽ bị đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người tiêu dùng.

Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên & đóng dấu)

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

3. Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở (theo Phụ lục I - Mẫu 2.3 - TMBVTV).

4. Chứng chỉ tập huấn về an toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp (Bản sao có xác nhận của cơ sở)

5. Giấy chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở)

6. Giấy chứng nhận GMP, HACCP hoặc tương đương (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

7. Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ
BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
2. Mã số (nếu có):
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại: Fax: Email:
5. Loại hình sản xuất, kinh doanh
- | | | | |
|------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| DN nhà nước | <input type="checkbox"/> | DN 100% vốn nước ngoài | <input type="checkbox"/> |
| DN liên doanh với nước ngoài | <input type="checkbox"/> | DN Cổ phần | <input type="checkbox"/> |
| DN tư nhân | <input type="checkbox"/> | Khác | <input type="checkbox"/> |
- (ghi rõ loại hình)
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:
8. Công suất thiết kế:
9. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):
10. Thị trường tiêu thụ chính:

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Nhà xưởng, trang thiết bị
- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh..... m², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/ sản phẩm : m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm : m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng Nước giếng khoan Hệ thống xử lý: Có Không

Phương pháp xử lý:

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....

...

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: người.

+ Lao động gián tiếp: người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

- Tập huấn kiến thức về ATTP:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Của cơ sở

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....

- Thuê ngoài

Tên những PKN gửi phân tích:

.....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA
CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN - THỦY SẢN

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:
Đại diện cơ sở: Chức vụ:
Giấy phép kinh doanh số Ngày cấp: Đơn vị cấp:
Địa điểm:
.....

Loại hình:

- + Khai thác, nuôi trồng + Thu gom, bán buôn
+ Sơ chế, chế biến + Bán lẻ

Sản phẩm đăng ký tham gia:
Năng lực sản xuất:tấn/ngày

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” đối với sản phẩm - thủy sản qua các công đoạn sau:

Chúng tôi cam kết tuân thủ các quy định của chuỗi, tiêu chí tham gia chuỗi cụ thể: Cơ sở được cấp Giấy chứng nhận/ chứng chỉ bảo đảm đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định và chỉ thu mua nguyên liệu hoặc bán sản phẩm cho các cơ sở nằm trong danh sách được công nhận đủ điều kiện tham gia chuỗi thực phẩm an toàn. Nếu vi phạm quy định hay tiêu chí tham gia chuỗi sẽ bị loại ra khỏi danh sách chuỗi.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

A. Cơ sở nuôi trồng:

2. Biên bản kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở nuôi trồng thủy sản do cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoặc giấy chứng nhận/chứng chỉ VietGAP hoặc tương đương (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

3. Hợp đồng nguyên tắc mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản giữa các đối tác tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

B. Tàu cá, cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến:

2. Giấy chứng nhận hay chứng chỉ đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

3. Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).

4. Hợp đồng nguyên tắc mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản giữa các đối tác tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

5. Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT THỰC PHẨM THUỘC CÔNG THƯƠNG)

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Fax:.....

Đại diện cơ sở:..... Chức vụ

Giấy phép kinh doanh số.....Ngày cấp:.....Đơn vị cấp:.....

Sản phẩm đăng ký tham gia chuỗi

Sản lượng:..... /năm

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, phù hợp quy định.
2. Chỉ sử dụng phụ gia thực phẩm trong danh mục và giới hạn cho phép theo quy định.
3. Có hồ sơ, sổ sách quản lý trong sản xuất và lưu thông.
4. Có Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn).
5. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ của cơ quan quản lý chuỗi.
6. Báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho cơ quan quản lý chuỗi.
7. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý chuỗi về sản phẩm của cơ sở. Nếu vi phạm các cam kết trên sẽ bị đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng cho người tiêu dùng.

Hồ sơ gửi kèm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).
3. Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm (còn thời hạn) đối với sản phẩm là thành phẩm (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực, nếu có).
4. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (còn thời hạn) trong sản xuất của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
5. Giấy chứng nhận sức khỏe (còn thời hạn) của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp do cơ sở y tế cấp quận - huyện trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
6. Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ sản xuất thực phẩm (Theo Phụ lục I - Mẫu 4.2 - TMCT).
7. Sơ đồ mặt bằng cơ sở (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
8. Bản mô tả quy trình sản xuất (Bản sao có xác nhận của cơ sở).
9. Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (nếu có) (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ
VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho:
- Điện thoại: Fax:
- Giấy phép kinh doanh số:
- Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ:

1. Cơ sở vật chất:

- Diện tích mặt bằng sản xuất:m², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuất:m².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Nguồn điện cung cấp và hệ thống đèn chiếu sáng:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:
- Hệ thống xử lý môi trường:
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất:

TT	Tên trang thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm						
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm						

5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng						
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
7	Thiết bị giám sát						
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay						
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
12	Hệ thống cung cấp khí nén						
13	Hệ thống cung cấp hơi nước						
14	Hệ thống thông gió						
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1							
2							
3							
4							
5							

III. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ:

Cơ sở cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM GIA CHUỖI THỰC PHẨM AN TOÀN
(ĐỐI VỚI CƠ SỞ KINH DOANH)

Kính gửi: Ban Quản lý Đề án “chuỗi thực phẩm an toàn”

Cơ sở:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:..... Fax:

Đại diện cơ sở:..... Chức vụ.....

Giấy phép kinh doanh số..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Sản phẩm kinh doanh tham gia chuỗi:

Năng lực kinh doanh:...../ngày.

Chúng tôi tự nguyện đăng ký tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn” với loại hình kinh doanh và cam kết thực hiện đúng các yêu cầu sau:

1. Ưu tiên kinh doanh sản phẩm thực phẩm từ các cơ sở đã được chứng nhận tham gia chuỗi.

2. Ưu tiên bố trí khu vực riêng để kinh doanh các sản phẩm thuộc chuỗi.

3. Có hồ sơ, sổ sách quản lý trong kinh doanh. Thực hiện ghi chép về quản lý chất lượng sản phẩm của cơ sở để dễ dàng truy xuất nguồn gốc.

4. Lưu giữ hóa đơn chứng từ đầu vào và bản sao Giấy công bố hợp quy; hoặc Giấy công bố phù hợp quy định; hoặc Giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm của sản phẩm thuộc chuỗi.

5. Chịu sự giám sát thường xuyên của Ban Quản lý Đề án. Cơ sở tự kiểm tra chất lượng sản phẩm và chịu toàn bộ chi phí kiểm nghiệm khi có kiểm tra đột xuất hoặc định kỳ của cơ quan quản lý chuỗi.

6. Báo cáo định kỳ 6 tháng/lần hoạt động của cơ sở cho Ban Quản lý Đề án.

7. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước và Ban Quản lý Đề án về sản phẩm của cơ sở. Nếu vi phạm các cam kết trên sẽ được đưa ra khỏi chuỗi và thông báo rộng rãi trên các phương tiện đại chúng.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

3. Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm (còn thời hạn) trong sản xuất của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

4. Giấy chứng nhận sức khỏe (còn thời hạn) của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp do cơ sở y tế cấp quận - huyện trở lên cấp (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

5. Bản vẽ chứng minh có khu vực, bảo quản, kinh doanh riêng cho sản phẩm chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

6. Giấy chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (nếu có) (Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

7. Hồ sơ chứng minh nguồn nguyên liệu đầu vào là sản phẩm thuộc chuỗi (Bản sao có xác nhận của cơ sở).

8. Đối với cơ sở kinh doanh rau, quả thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Nông nghiệp cần bổ sung thêm “Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở” (theo Phụ lục 1 - Mẫu 2.3 - TMBVTV).

9. Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương cần bổ sung thêm “Bản thuyết minh cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ kinh doanh thực phẩm” (theo Phụ lục 1 - Mẫu 5.2 - TMCT).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên & đóng dấu)